TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 105/2025/DS-ST Ngày 16-9-2025 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản, kiện đòi tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Thùy Dương

Ông Ngô Văn Đơn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà**:* Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 392/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản, kiện đòi tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 74/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Xuân P, sinh năm 1985, địa chỉ: Số C, đường V, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số H, đường B tháng I, khu phố B, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 13/3/2025); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Bảo D, sinh năm 1987, địa chỉ: Số nhà A, đường N, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Huỳnh N, sinh năm 2003 và ông Nguyễn Ngọc Minh S, sinh năm 2002; cùng địa chỉ: Số I, đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/7/2025); bà N, ông S có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Phan Thu T1 và bà Phạm Thị N1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: Công ty TNHH C, đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; bà T1 có mặt; bà N1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2025, và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân P và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Thông qua bạn bè giới thiệu thì ông Nguyễn Xuân P có quen biết ông Nguyễn Bảo D, do tin tưởng, coi như anh em trong nhà nên khi ông D cần tiền để xử lý công việc có đề nghị ông P cho mượn thì ông P đồng ý; cụ thể:

Ngày 26/11/2019, ông P cho ông D vay số tiền 115.000.000 đồng (một trăm mười lăm triệu đồng), thời gian vay 15 ngày, hẹn ngày 07/12/2019 sẽ hoàn trả tiền đầy đủ, hai bên không thoả thuận về lãi suất; mục đích vay là hỗ trợ công việc mua vật tư thi công công trình; hai bên có lập giấy mượn tiền đề ngày 26/11/2019, giấy mượn tiền do ông D viết, ký tên và ghi họ tên dưới mục bên vay.

Sau đó, từ tháng 7/2021, ông P tiếp tục cho ông D vay tiền nhiều lần và đến ngày 27/3/2022, ông P và ông D thống nhất lập giấy xác nhận nợ và hẹn thanh toán; theo đó ông P cho ông D vay số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng); thời hạn thanh toán bắt đầu từ cuối tháng 5; mỗi tháng ông D phải thanh toán 10.000.000 đồng gồm 6.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi và số tiền trả sẽ tăng dần theo khả năng; ông D có ký tên và ghi họ tên dưới giấy xác nhận nợ và hẹn thanh toán ngày 27/3/2022; giấy xác nhận do ông D viết.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, D đã không trả lãi, cũng không hoàn trả nợ gốc cho ông P. Ông P liên hệ nhiều lần qua điện thoại nhưng không được. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Bảo D phải thanh toán cho ông Nguyễn Xuân P tổng số tiền là 515.000.000 đồng (năm trăm mười lăm triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 26/11/2019 và ngày 27/3/2022; yêu cầu trả 01 lần, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Nguyễn Bảo D và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Ông Nguyễn Bảo D và ông Nguyễn Xuân P có quen biết với nhau do hợp tác làm ăn chung trong ngành xây dựng. Nếu có khách hàng thì ông P sẽ giới thiệu cho ông D, khi khách hàng và ông D ký hợp đồng thành công thì ông D sẽ trả cho ông P một khoản tiền hoa hồng là 07% giá trị hợp đồng, khoản hoa hồng này ông D và ông P chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Vào khoảng năm 2019, ông P có giới thiệu cho ông D dự án và hai bên thỏa thuận trả số tiền hoa hồng của dự án trên là 115.000.000 đồng (một trăm mười lăm triệu đồng), nếu dự án được thực hiện xong. Sau đó, ngày 26/11/2019 ông P yêu cầu ông D ký vào giấy mượn tiền do

ông P đưa sẵn, nội dung thể hiện ông D có mượn ông P số tiền 115.000.000 đồng, mặc dù giữa ông P và ông D không có bất kì giao dịch vay mượn tiền nào. Mục đích ông D đồng ý ký giấy mượn tiền ngày 26/11/2019 là do hai bên quen biết đã lâu, có sự tin tưởng lẫn nhau và mong muốn giữ mối quan hệ làm ăn lâu dài với ông P. Tuy nhiên do kinh tế của ông D gặp khó khăn vì dịch Covid – 19 nên không có khả năng trả cho ông P số tiền hoa hồng đã viết theo Giấy mượn tiền ngày 26/11/2019.

Sau đó, ông P nhiều lần liên hệ gây sức ép đến gia đình ông D yêu cầu ông D trả số tiền của Giấy mượn tiền ngày 26/11/2019. Khoảng tháng 2/2022, ông Phú Đ thông tin cá nhân của ông D trên mạng xã hội, việc ông Phú Đ thông tin ông D vay nợ lên mạng xã hội, làm ảnh hưởng rất nhiều đến tâm lý của ông D. Khoảng tháng 3/2022, ông D liên hệ ông P để giải quyết khoản tiền hoa hồng. Khi gặp mặt, trao đổi, thì dưới sức ép ông P bắt ông D phải viết Giấy xác nhận nợ và hẹn thanh toán ngày 27/3/2022 thay thế cho khoản nợ của Giấy mượn tiền ngày 26/11/2019. Theo đó, giấy xác nhận nợ và hẹn thanh toán ngày 27/3/2022 bao gồm các khoản tiền sau: Số tiền gốc: 115.000.000 đồng, theo Giấy mượn tiền ngày 26/11/2019 + Tiền lãi từ ngày 26/11/2019 đến ngày 27/3/2022 (02 năm 4 tháng) với lãi suất 100%/năm (tiền lãi 115.000.000 đồng/năm) tương đương mỗi tháng phải trả lãi 8,33%/tháng: 269.000.000 đồng/28 tháng + Tiền gốc và lãi tháng đầu tiên của Giấy xác nhận nợ và hẹn thanh toán: 10.000.000 đồng + Tiền gốc của tháng thứ hai của Giấy xác nhận nợ và hẹn thanh toán: 6.000.000 đồng = 400.000.000 đồng.

Ông D không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P, bởi ông D không có vay mượn tiền nào của ông P.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Bảo D phải thanh toán cho ông Nguyễn Xuân P tổng số tiền là 515.000.000 đồng (năm trăm mười lăm triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 26/11/2019 và ngày 27/3/2022; yêu cầu trả 01 lần, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – Luật sư Phan Thu T1:

Căn cứ các bản tự khai do bị đơn cung cấp, ông Nguyễn Bảo D thừa nhận có ký Giấy mượn tiền ngày 26/11/2019 với nội dung mượn của ông Nguyễn Xuân P số tiền 115.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông D không vay và cũng trình bày rằng mình không nhận được từ ông Nguyễn Xuân P bất kỳ số tiền nào theo giấy mượn tiền ngày 26/11/2019 nêu trên. Ngược lại, ông Nguyễn Xuân P cũng không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh ông đã giao số tiền 115.000.000 đồng theo giấy mượn tiền nêu trên cho ông Nguyễn Bảo D. Thực tế, vào khoảng năm 2019, ông P có giới thiệu cho ông D một dự án; và hai bên thỏa thuận số tiền hoa hồng của dự án trên là 115.000.000 đồng nếu dự án được thực hiện xong. Đến

ngày 26/11/2019, ông P yêu cầu ông D ký Giấy mượn tiền đối với số tiền hứa chi hoa hồng trên dù chưa thực hiện xong dự án. Mục đích là để làm tin do ông P sợ khi làm xong dự án thì ông D sẽ không đưa tiền hoa hồng cho ông P, thì ông P sẽ có cơ sở để đòi sau này. Ông D đồng ý ký giấy mượn tiền trên là vì tin tưởng lẫn nhau. Ngoài ra, hiện tại nguyên đơn đang khởi kiện vay tài sản theo giấy mượn tiền ngày 26/11/2019, ngày hết hạn theo giấy là ngày 07/12/2019, thời điểm khởi kiện tại Tòa là ngày 25/3/2025, căn cứ vào Điều 429 của Bộ luật Dân sự, bị đơn đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp hợp đồng vay. Vì vậy, ông P khởi kiện đối với số tiền này là không có cơ sở.

Đối với khoản tiền 400.000.000 đồng theo Giấy xác nhận nợ và hẹn thanh toán ngày 27/3/2022: Ông P trình bày từ tháng 7/2021 đến tháng 3/2021, ông P cho ông D mượn tiền nhiều lần, nhưng ông D không trả nên ngày 27/3/2022, ông P yêu cầu ông D viết giấy xác nhận nợ ông P tổng số tiền 400.000.000 đồng nhưng ông P không chứng minh được Giấy xác nhận nợ và hẹn thanh toán ngày 27/3/2022 là xác nhận cho khoản vay phát sinh vào thời điểm nào; ngoài ra, ông P cũng không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh ông đã giao số tiền 400.000.000 đồng cho ông D. Thực tế khoản tiền 400.000.000 đồng đã bao gồm khoản tiền 115.000.000 đồng từ giấy mượn tiền đề ngày 26/11/2019 và tiền lãi của khoản tiền 115.000.000 đồng (từ ngày 26/11/2019 đến ngày 27/3/2022). Nguyên đơn khai cho ông D bắt đầu vay tiền từ tháng 07/2021 đối để làm ăn xây dựng, và cho vay bằng tiền mặt, nhưng thời điểm này là thời điểm phong tỏa dịch bệnh Covid 19, không có hoạt động nào diễn ra thêm, không có ai có thể đi lại lúc này thì không thể cho vay tiền mặt được.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đề nghị Tòa án xác định giấy xác nhận nợ và hẹn thanh toán đề ngày 27/3/2022 phát sinh và chốt nợ từ giấy mượn tiền đề ngày 26/11/2019; yêu cầu xác định lại số tiền lãi được được chốt khi viết giấy xác nhận nợ ngày 27/3/2022 là đã vượt quá quy định pháp luật, yêu cầu tính theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về tiền nợ gốc 515.000.000 đồng: Theo Giấy mượn tiền ngày 26/11/2019 thể hiện nội dung: “Tôi tên Nguyễn Bảo D có mượn của anh Nguyễn Xuân P số tiền là 115.000.000 đồng. Hẹn đến ngày 07/12/2019 sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền trên”, ông D ký, ghi rõ họ tên vào giấy mượn tiền. Giấy xác nhận nợ và hẹn thanh toán ngày 27/3/2022 thể hiện nội dung: “Tôi tên Nguyễn Bảo D, hôm nay ngày 27/3/2022 tôi xác nhận số tiền nợ với Nguyễn Xuân P số tiền 400.000.000 đồng, hẹn thanh toán dần bắt đầu từ cuối tháng 05. Số tiền thanh toán bắt đầu là 10.000.0000đồng/tháng (gồm 6.000.000 đồng gốc và 4.000.000 đồng lãi trên số tiền gốc và sẽ tăng dần theo khả năng)”; ông D ký, ghi rõ họ tên vào

giấy xác nhận và hẹn thanh toán ngày 27/3/2022. Như vậy, có đủ cơ sở xác nhận bị đơn có vay của nguyên đơn tổng số tiền 515.000.000 đồng vào các ngày 26/11/2019 và 27/3/2022; nguyên đơn chỉ yêu cầu trả tiền gốc, không yêu cầu tính lãi.

Đối với giấy mượn tiền ngày 26/11/2019: Nguyên đơn đang khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, ngày hết hạn theo giấy là ngày 07/12/2019, thời điểm khởi kiện tại Tòa là ngày 25/3/2025, căn cứ vào Điều 429 của Bộ luật Dân sự, bị đơn đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp hợp đồng vay. Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với giấy mượn tiền ngày 26/11/2019 là tranh chấp kiện đòi tài sản. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "tranh chấp kiện đòi tài sản, tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Qúa trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định từ khi vay tiền đến nay bị đơn chưa thanh toán khoản tiền nào cho nguyên đơn. Bị đơn không đồng ý vì bị đơn không có vay tiền của nguyên đơn, bản chất của các giấy nợ là xuất phát từ việc làm ăn chung hưởng hoa hồng, việc ông D viết các giấy nợ là do chịu sức ép từ ông P nhưng ông D không có chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, ông P khởi kiện yêu cầu ông D thanh toán số tiền vay là 515.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân P khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Bảo D phải thanh toán cho ông P số tiền 515.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 26/11/2019 và giấy xác nhận nợ và hẹn thanh toán ngày 27/3/2022, yêu cầu trả 01 lần, không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với giấy mượn tiền ngày 26/11/2019: Các bên thỏa thuận thời hạn thanh toán là đến ngày 07/12/2019. Nguyên đơn đang khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, ngày hết hạn theo giấy là ngày 07/12/2019, thời điểm khởi kiện tại Tòa là ngày 25/3/2025. Tại phiên tòa, bị đơn đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với giấy mượn tiền ngày 26/11/2019 vì thời hiệu khởi kiện "tranh chấp hợp đồng vay" đã hết theo Điều 429 của Bộ luật Dân sự. Đồng thời, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện tranh chấp kiện đòi tài sản đối với giấy mượn tiền ngày 26/11/2019. Do đó, căn cứ vào Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật đối với giấy mượn tiền ngày 26/11/2019 là "tranh chấp kiện đòi tài sản".

Đối với Giấy xác nhận nợ và hẹn thanh toán ngày 27/3/2022: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 400.000.000 đồng, nên Tòa án xác định

quan hệ pháp luật đối với giấy ngày 27/3/2022 là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Từ những phân tích trên, Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản, kiện đòi tài sản".

[1.2] Về thẩm quyền: Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn ông Nguyễn Bảo D đang cư trú tại số nhà A, đường N, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét: Giấy mượn tiền ngày 26/11/2019 có nội dung: "…*Tôi tên Nguyễn Bảo D….hôm nay ngày 26/11/2019, tôi có mượn của anh Nguyễn Xuân P, ngày sinh 04/9/1985, số tiền 115.000.000 đồng…hẹn đến ngày 07/12/2019 sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền trên. Tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật; mục đích vay là hỗ trợ công việc mua vật tư thi công công trình…";* ông D ký và ghi họ tên vào phần cuối của giấy mượn tiền. Ông D thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy mượn tiền ngày 26/11/2019, nhưng không biết ai viết giấy và khai rằng số tiền 115.000.000 đồng là tiền hoa hồng mà ông D phải trả cho ông P theo dự án mà ông P đã giới thiệu cho ông D, dự án chưa hoàn thành nên ông D chưa thanh toán được cho ông P; nhưng ông P yêu cầu ông D phải viết giấy vay để làm tin nên ông D đồng ý ký tên vào giấy mượn tiền ngày 26/11/2019; thực tế ông D không có nhận khoản tiền 115.000.000 nào từ ông P. Ông P không đồng ý với lời khai của ông D và trình bày giữa hai bên không có hợp tác dự án nào, yêu cầu ông D trả đúng số tiền 115.000.000 đồng. Như nhận định tại đoạn [1.1] thì đây là tranh chấp kiện đòi tàn sản. Theo các Điều 164, 166 của Bộ luật dân sự thì chủ sở hữu có quyền tự bảo vệ, ngăn chặn bất kỳ người nào có hành vi xâm phạm quyền của mình bằng những biện pháp không trái với quy định của pháp luật…,có quyền yêu cầu Tòa án buộc người có hành vi xâm phạm quyền phải trả lại tài sản; ông D chiếm hữu số tiền 115.000.000 đồng không có căn cứ. Do đó yêu cầu đòi lại số tiền 115.000.000 đồng của ông P là có căn căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với Giấy xác nhận nợ và hẹn thanh toán ngày 27/3/2022 có nội dung: "*…tôi tên Nguyễn Bảo D, ...hôm nay ngày 27/3/2022, tôi xác nhận số tiền nợ với Nguyễn Xuân P, sinh ngày 04/9/1985; chứng minh nhân dân: 074085001254; địa chỉ: đường V, phường P, tp T tiền 400.000.000 đồng; hẹn thanh toán bắt đầu từ cuối tháng 05; số tiền thanh toán bắt đầu là 10.000.000 đồng/tháng (gồm 6.000.000 đồng gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi) và sẽ tăng dần theo khả năng…".* Ông D ghi thêm dòng chữ "*tôi cam kết thực hiện đúng theo xác nhận này và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu không thực hiện đúng*" đồng thời ký và ghi họ tên vào phần cuối của giấy ngày 27/3/2022. Theo nguyên đơn là thời hạn thanh toán từ cuối tháng 05/2022 đến nay bị đơn chưa

thanh toán khoản tiền nào cho nguyên đơn. Ông D thừa nhận chữ ký, chữ viết trong Giấy xác nhận nợ ngày 27/3/2022; thừa nhận là người viết giấy Giấy xác nhận nợ và hẹn thanh toán ngày 27/3/2022 nhưng do ông P nhiều lần liên hệ gây sức ép đến gia đình ông D yêu cầu ông D trả số tiền của giấy mượn tiền ngày 26/11/2019; khoảng tháng 2/2022, ông Phú Đ thông tin cá nhân của ông D vay tiền trên mạng xã hội, làm ảnh hưởng rất nhiều đến tâm lý của ông D và gây sức ép buộc ông D phải viết và ký tên trong giấy xác nhận nợ ngày 27/3/2022 nên ông D đã đồng ý ký tên mượn ông P số tiền 400.000.000 đồng. Thực tế số tiền 400.000.000 đồng đã bao gồm khoản tiền 115.000.000 đồng từ giấy mượn tiền đề ngày 26/11/2019 và tiền lãi của khoản tiền 115.000.000 đồng (tính từ ngày 26/11/2019 đến ngày 27/3/2022). Tuy nhiên, ông D không có chứng cứ chứng minh bị đe dọa khi viết giấy ngày 27/3/2022; ngoài ra, giấy xác nhận nợ và hẹn thanh toán ngày 27/3/2022 cũng không có nội dung nào thể hiện số tiền 400.000.000 đồng bao gồm khoản tiền 115.000.000 đồng từ giấy mượn tiền đề ngày 26/11/2019 và tiền lãi của khoản tiền 115.000.000 đồng; ông P không thừa nhận có dự án hợp tác nào giữa ông P và ông D.

Xét việc bị đơn ông D thừa nhận là người đã viết Giấy xác nhận nợ và hẹn thanh toán ngày 27/3/2022; thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên trong giấy là chữ ký, chữ viết của ông D đã có đủ căn cứ xác định ông D có vay của ông P tổng số tiền 400.000.000 đồng. Ông D đã không thực hiện việc trả nợ cho ông P đúng như cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông P yêu cầu ông D thanh toán số tiền 400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về tiền lãi đối với giấy xác nhận nợ và hẹn thanh toán ngày 27/3/2022.

[2.3] Từ những căn cứ trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông D phải trả cho ông P số tiền 515.000.000 đồng.

[3] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều: 91, 147, 184, 203, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều: 164, 166, 463, 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản, kiện đòi tài sản".

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân P đối với bị đơn ông Nguyễn Bảo D về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Buộc ông Nguyễn Bảo D phải trả cho ông Nguyễn Xuân P số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) theo Giấy xác nhận nợ và hẹn thanh toán ngày 27/3/2022.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân P đối với bị đơn ông Nguyễn Bảo D về việc "tranh chấp kiện đòi tài sản".

Buộc ông Nguyễn Bảo D phải trả cho ông Nguyễn Xuân P số tiền 115.000.000 đồng (một trăm mười lăm triệu đồng) theo Giấy mượn tiền ngày 26/11/2019.

Tổng cộng, ông Nguyễn Bảo D phải trả cho ông Nguyễn Xuân P số tiền 515.000.000 đồng (năm trăm mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Bảo D phải chịu 24.600.000 đồng (hai mươi bốn triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Xuân P không phải chịu. Thi hành án dân sự Thành phố H trả lại cho ông Nguyễn Xuân P số tiền 12.300.000 đồng (mười hai triệu ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001651 ngày 03 tháng 4 năm 2025.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 15 - Tp. HCM;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Dương Thị Kim Thoa